TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 7– 2026
Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Dư Quốc Kiệt

Bà Trần Thị Phương Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Tấn Đạt, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 332/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 01/01/1985. Căn cước số 095085009995 cấp ngày 03/9/2024 tại Bộ C. Địa chỉ: Ấp P, xã H, tỉnh Cà Mau (Có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, xã H, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2026, Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 5 năm 2026, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 08/12/2011, anh T và chị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 224/2011 ngày 08/12/2011. Trong quá trình chung sống với nhau, anh T và chị H có hai người con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 16/3/2006 và Trần Thảo N, sinh ngày 23/5/2019. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị H không thể tiếp tục nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Anh Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim H.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 16/3/2006 và Trần Thảo N, sinh ngày 23/5/2019. Hiện nay, Trần Bảo K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thảo N đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.

Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Kim H: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị H đến Tòa án làm việc, nhưng chị H không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến. Mặt khác, Tòa án có đến nhà ghi ý kiến nhưng chị H không có ở nhà (Tòa án lập Biên bản về việc không ghi nhận được ý kiến của chị H ngày 19/5/2026 – Bút lục số 31). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh T cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Kim H.

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H có hai người con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 16/3/2006 và Trần Thảo N, sinh ngày 23/5/2019. Hiện nay, Trần Bảo K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thảo N đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N nên tiếp tục giao cháu N cho anh T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Kim H không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Kim H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Kim H và hiện nay chị Nguyễn Kim H đang cư trú tại ấp P, xã H, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu của đương sự nêu trên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 08/12/2011, anh T và chị H kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 224/2011 ngày 08/12/2011 nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T yêu cầu được ly hôn với chị H với lý do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên anh T và chị H đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T và chị H đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/5/2026 (Bút lục số 32), Trưởng ấp P, xã H, tỉnh Cà Mau xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H hiện nay không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: "*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…*"

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc phát triển. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh T và chị H thực tế đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa anh T và chị H đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị H, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, anh T và chị H có hai người con chung tên Trần Bảo K, sinh ngày 16/3/2006 và Trần Thảo N, sinh ngày 23/5/2019. Ngoài ra, anh T và chị H không còn con chung, con nuôi nào khác. Hiện nay, Trần Bảo K đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thảo N đang sống cùng với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Trong vụ án này, anh T và chị H không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Anh T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Trần Thảo N đã đủ 07 tuổi trở lên và tại bản ghi nhận ý kiến của cháu N (Bút lục số 19) có nguyện vọng được sống cùng với anh T và hiện nay cháu N đang sống chung với anh T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu N, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu N cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Chị Nguyễn Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Anh T và chị Hoàng T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Anh T và chị Hoàng T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Văn T phải chịu. Anh Trần Văn T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006279 ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn T. Cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Kim H.

2. Về con chung: Trần Bảo K đã thành niên, anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Trần Văn T đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thảo N, sinh ngày 23/5/2019 nên được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N.

Chị Nguyễn Kim H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Kim H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Kim H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Văn T phải chịu. Anh Trần Văn T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0006279 ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Anh